

Bản án số: 53/2018/DS-PT
Ngày 13-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Huỳnh

Ông Nguyễn Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Bà Trần Thị Phước
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của TAND huyện D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông T, bà H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm T1, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1970; cùng địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Trọng C, sinh năm 1981; địa chỉ: 22/23/18, đường A, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2017). Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H trình bày: Do có quen biết nên ngày 08/11/2014, ông bà có cho vợ chồng ông Phạm T1, bà Trần Thị H1 vay số tiền 250.000.000 đồng, thời gian từ ngày 08/11 đến ngày 18/11/2014. Để làm tin, ông T1, bà H1 thế chấp 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 372, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm T ngày 17/10/2014. Đến ngày 11/11/2014, ông T, bà H tiếp tục cho bà H1 và ông T1 vay số tiền 650.000.000 đồng, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 11/11/2014. Việc vay mượn có làm giấy tay do ông T1, bà H1 viết và hai bên có ký tên, lấn tay; lãi suất ghi trong giấy vay do hai bên thỏa thuận nhưng không ghi bao nhiêu %. Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ cho đến nay ông T1, bà H1 vẫn không chịu trả số tiền trên cho ông T, bà H. Nay, ông T, bà H yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà H1 trả số tiền 900.000.000 đồng và lãi suất chậm thanh toán là 9%/năm tính từ ngày 18/11/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo bản tự khai, phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn ông Phạm T1 và bà Trần Thị H1 trình bày: Ông T1, bà H1 thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng và có thể chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 372, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm T1 ngày 17/10/2014. Ông T1, bà H1 sẽ trả đủ số tiền này và yêu cầu nguyên đơn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng số tiền 650.000.000 đồng ông T1, bà H1 không đồng ý trả cho nguyên đơn vì ông bà không có vay của nguyên đơn cũng như không ký tên, lấn tay vào giấy nợ ngày 11/11/2014.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của TAND huyện D, tỉnh Bình Dương, đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H. Buộc ông Phạm T1 và bà Trần Thị H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H số tiền 1.148.850.000 đồng (trong đó: Nợ gốc là 900.000.000 đồng + nợ lãi là 248.850.000 đồng). Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bị đơn ông Phạm T1 và bà Trần Thị H1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ sổ BH 043734, thửa số 372, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm T1 ngày 17/10/2014 khi ông T1, bà H1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2017, bà Trần Thị H1 là bị đơn có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo, bà H1 cho rằng: Bà không có ký tên và lấn tay vào Giấy mượn tiền ngày 11/11/2014, bà không đồng ý trả nợ 650.000.000 đồng cho ông T, bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Trọng C là người đại diện theo ủy quyền của bà H1 giữ nguyên yêu cầu

kháng cáo và có yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà H1 tại Giấy mượn tiền ngày 11/11/2014.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 11/11/2014 và Kết luận giám định của Công an tỉnh Bình Dương có cơ sở xác định chữ ký và dấu lấn tay là của bà H1. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà H1, ông T1 trả nợ cho ông T, bà H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Giấy mượn tiền ngày 08/11/2014, bà H1, ông T1 thừa nhận có mượn của bà H, ông T 250.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử bà H1 và ông T1 trả nợ cho bà H và ông T 250.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Phần này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét đối với kháng cáo của bà H1 cho rằng: Bà không ký tên và không điểm chỉ vào giấy mượn tiền ngày 11/11/2014 nên không đồng ý trả số nợ 650.000.000 đồng cho bà H và ông T. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà H1 và ông T1 không thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của mình tại Giấy mượn tiền ngày 11/11/2014 và tại Kết luận giám định số: 187/GĐ-PC54, ngày 09/6/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký, chữ viết và dấu vân tay tại Giấy mượn tiền ngày 11/11/2014 là của ông T1, bà H1 ký, viết và in ra và cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Lê Ngọc Đ có chứng kiến vợ chồng ông T1, bà H1 mượn tiền của vợ chồng ông T, bà H. Tòa án cấp sơ thẩm xử bà H1 và ông T1 trả nợ cho bà H và ông T 650.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp các Điều: 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005 và các Điều: 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự 2015. Bà H1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do vậy, yêu cầu kháng cáo phần này của bà H1 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét, đối với yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà H1 tại Giấy mượn tiền ngày 11/11/2014 nhưng ông C không đưa ra được chứng cứ chứng minh Kết luận giám định số: 187/GĐ-PC54, ngày 09/6/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương là không chính xác, có vi phạm pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định lại của ông C.

[4] Về lãi suất chậm trả: Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất chậm trả tính chung cho số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng mà không tính theo mốc thời gian

mà các bên thỏa thuận trả nợ theo 02 giấy mượn tiền là không đúng, được tính lại như sau:

- Theo Giấy mượn tiền ngày 08/11/2014 tiền gốc 250.000.000 đồng, các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ từ ngày 08/11 đến ngày 18/11/2014.

250.000.000 đồng x 33 tháng 25 ngày (từ ngày 19/11/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2017) x 0,75%/tháng (9%/năm theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam) = 63.437.500 đồng. (1)

- Theo Giấy mượn tiền ngày 11/11/2014 tiền gốc 650.000.000 đồng, các bên thỏa thuận trả nợ trong 05 ngày kể từ ngày 11/11/2014.

650.000.000 đồng x 33 tháng 28 ngày (từ ngày 16/11/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/9/2017) x 0,75%/tháng (9%/năm theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN, ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam) = 165.425.000 đồng. (2)

(1) + (2) = 228.862.500 đồng tiền lãi chậm trả.

Như vậy, bà H1 và ông T1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông T và bà H tiền gốc và tiền lãi là: 1.128.862.500 đồng (900.000.000 đồng tiền gốc + 228.862.500 đồng tiền lãi). Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà H1, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận một phần.

[6] Về án phí sơ thẩm, chi phí giám định: Ông T1, bà H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà H1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 147, 148, 161, 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 290, 305, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều: 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 26, 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H1. Sửa Bản án sơ thẩm số: 14/2017/DS-ST ngày 14/9/2017 của TAND huyện D, tỉnh Bình Dương như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm T1, bà Trần Thị H1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Phạm T1 và bà Trần Thị H1 có nghĩa vụ trả nợ cho ông

Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H 1.128.862.500 đồng (900.000.000 đồng tiền gốc + 228.862.500 đồng tiền lãi).

2. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H trả lại cho ông Phạm T1 và bà Trần Thị H1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH01461 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho ông Phạm T1 ngày 17/10/2014.

3. Về án phí, chi phí giám định:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm T1 và bà Trần Thị H1 nộp 45.865.000 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện D trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H số tiền 9.750.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016371 ngày 18/10/2016.

- Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị H1 không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện D trả lại cho bà H1 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008180 ngày 03/10/2017.

- Về chi phí giám định: 1.800.000 đồng. Ông Phạm T1 và bà Trần Thị H1 phải nộp 1.800.000 đồng để trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/3/2018)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện D;
- TAND huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huỳnh

Nguyễn Minh Hoàng

Nguyễn Thành Trung